



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CP CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU
THỦY SẢN VIỆT NAM
“FSO”

Tháng 3 năm 2023



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU THỦY SẢN VIỆT NAM

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **Công ty cổ phần Cơ khí Đóng tàu Thủy sản Việt Nam (FISHIPCO)**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **0200140967**
- Vốn điều lệ: **56.249.660.000 đồng**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **56.249.660.000 đồng**
- Địa chỉ: **Số 2 Phan Đình Phùng – Phường Hạ Lý – Quận Hồng Bàng – Thành phố Hải Phòng – Việt Nam**
- Số điện thoại: **0225.384.2665**
- Website: **www.dongtauthuysan.vn**
- Mã cổ phiếu: **FSO**

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần Cơ khí Đóng tàu Thủy sản Việt Nam tiền thân là DNNN, thành viên của Tổng công ty Thủy sản Việt Nam đã thực hiện chuyển đổi sang mô hình Công ty Cổ phần theo Quyết định số: 613/QĐ-BTS ngày 11/08/2006 của Bộ Thủy sản và chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 01/01/2007.

Công ty được Sở kế hoạch và đầu tư TP Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0200140967 lần đầu ngày 11/12/2006 và thay đổi lần thứ 6 ngày 05/5/2015.

Công ty đã đăng ký Công ty đại chúng tháng 11 năm 2007.

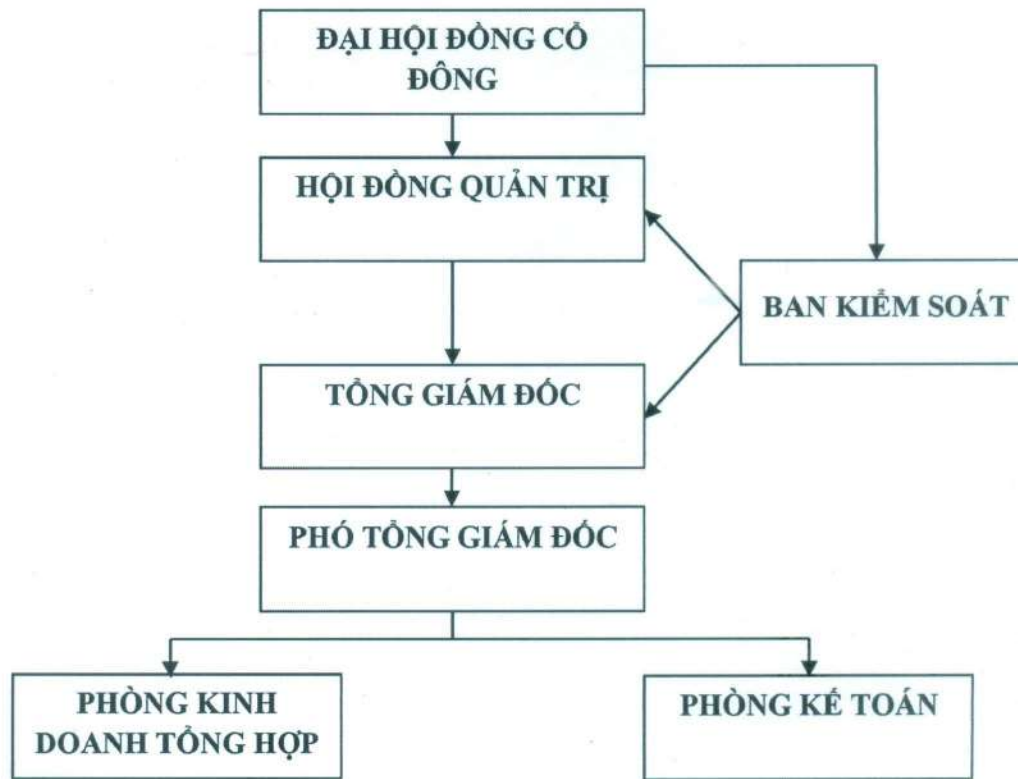
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh của Công ty:
 - + *Đóng tàu và cấu kiện nổi;*
 - + *Sửa chữa các loại phương tiện thủy;*
 - + *Sản xuất, gia công giấy vàng mã xuất khẩu;*
 - + *Cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi;*
 - + *Trông giữ xe ô tô...*
- Địa bàn kinh doanh:
 - + *Số 02 Phan Đình Phùng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng;*
 - + *Thôn Song Mai, xã An Hồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.*

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

4.1 Mô hình quản trị:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU THỦY SẢN VIỆT NAM



4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý:

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định định hướng phát triển ngắn, dài hạn, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tài chính hàng năm của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban kiểm soát (BKS).

a) Hội đồng quản trị:

HĐQT có 03 thành viên trong đó có 01 Chủ tịch và 02 Thành viên. HĐQT là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

b) Ban kiểm soát:

Thay mặt cho Cổ đông kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Ban kiểm soát gồm 03 Thành viên trong đó có 01 Trưởng ban và 02 Thành viên.

c) Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng:

Ban Tổng giám đốc gồm 02 Thành viên (Tổng giám đốc và Phó tổng giám đốc); 01 Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm. Tổng giám đốc Công ty là người đại diện pháp nhân của Công ty trong mọi giao dịch, quản lý điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về trách nhiệm quản lý điều hành Công ty. Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Công ty là người giúp việc cho Tổng giám đốc công ty theo sự phân công.

d) Các bộ phận chức năng và bộ phận trực thuộc:

Các phòng ban chức năng hỗ trợ cho ban Tổng giám đốc thực hiện các kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty được vận hành tốt. Công ty có các phòng ban chức năng và bộ phận trực thuộc như sau: Phòng Kế toán, Phòng Kinh doanh tổng hợp.

e) Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Trước tình hình hiện tại, về mặt bằng tại khu đất Hạ Lý, Công ty tiếp tục duy trì các khách hàng đang thuê nhà xưởng, kho và dịch vụ trông coi xe ô tô và sẽ duy tu, sửa chữa một số gian Kiot xuống cấp để tiếp tục cho thuê, triển khai, khảo sát và quy hoạch mặt bằng còn trống để khai thác triệt để theo hiện trạng sẵn có. Còn về mặt bằng tại khu đất Vật Cách, Công ty sẽ tiếp tục duy trì những khách hàng đang thuê nhà xưởng, tìm kiếm khách hàng cho thuê khu vực mặt bằng bãi đóng tàu, cầu cảng và mặt sân bê tông trước khu nhà điều hành..., tiếp tục đôn đốc đối tác đang thuê mặt bằng đóng tàu khu vực bãi triển dọc 6.500DWT giải phóng tàu đang đóng dở đang để bàn giao lại mặt bằng, Công ty sẽ tìm kiếm đối tác khác có tiềm năng hơn.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng):

Đây cũng là mục tiêu, là chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty góp phần bảo vệ lợi ích cho người lao động và các cổ đông.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	(%) 2023/2022	Ghi chú
1.	Tổng tài sản	56.457.361.770	58.355.008.113	96,76%	
2.	Doanh thu thuần	14.738.995.129	35.997.843.359	40,94%	
3.	Giá vốn hàng bán	10.620.004.785	31.586.235.890	33,62%	
4.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(815.281.528)	706.416.787		
5.	Lợi nhuận khác	(15.428.717)	(4.850)		
6.	Lợi nhuận trước thuế	(830.710.245)	706.411.937		
7.	Lợi nhuận sau thuế	(830.710.245)	706.411.937		
8.	Tỷ lệ chi trả cổ tức		-	-	

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Theo Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 16/2023/NQ-ĐTTS-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023 về việc thông qua một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023, tình hình thực hiện kế hoạch năm 2023 như sau:

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	% TH 2023/ KH 2023
1.	Tổng doanh thu	30.000.000.000	14.738.995.129	49,13%
2.	Lợi nhuận trước thuế	700.000.000	(830.710.245)	

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1.	Ông Lương Thế Long	Tổng giám đốc	
2.	Ông Vũ Hồng Trường	Phó Tổng giám đốc	
3.	Bà Ngô Thị Thu Hà	Kế toán trưởng	

Tóm tắt lý lịch của Ban điều hành:

1. Ông Lương Thế Long: Tổng Giám đốc

- Giới tính: Nam,
- Sinh ngày: 22/8/1978,
- Quốc tịch: Việt Nam,
- Dân tộc: Kinh,
- CCCD: 031078016408 - Ngày cấp: 01/03/2022 - Nơi cấp: Cục quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Quê quán: Thôn Vân Tra, xã An Đông, huyện An Dương, Hải Phòng,
- Nơi ở hiện nay: Thôn Vân Tra, xã An Đông, huyện An Dương, Hải Phòng,
- Trình độ văn hóa: 12/12,
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư,
- Chức vụ tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc,
- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Giám đốc công ty TNHH Khoáng sản và Thương mại Gia Hưng
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
6/2001 – 12/2001	Nhà máy đóng tàu Sông Cấm	Cán bộ kỹ thuật
01/2002 – 06/2003	Nghỉ ở nhà để liên hệ xin chuyển cơ quan khác	
06/2003 – 10/2004	Công ty vận tải Biển Bắc	Ban đóng mới
10/2004 – 10/2015	Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Cán bộ kỹ thuật
10/2015 – 7/2017	Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Phó trưởng phòng kế hoạch sản xuất
7/2017 – 9/2019	Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Phó trưởng phòng kế hoạch sản xuất Thành viên BKS
09/2019 – 10/12/2020	Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Phó trưởng phòng – Phụ trách phòng kế hoạch vật tư Thành viên BKS
Từ 10/12/2020 đến 14/8/2023	Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Phó tổng giám đốc
Từ 14/8/2023 đến nay	Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Tổng giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có,

14
 NG
 PH
 CT
 AU
 CT
 NG

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có,
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao HĐQT, Lương.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có,
- Số cổ phần nắm giữ: 880.000 CP chiếm tỷ lệ 15,64% VDL,
- + Sở hữu cá nhân: 36.000 CP chiếm tỷ lệ 0,64%,
- + Đại diện sở hữu: 844.000 CP (Đại diện cổ phần của Tổng công ty thủy sản Việt Nam – CTCP) chiếm tỷ lệ 15% VDL.

2. Ông Vũ Hồng Trường: Phó Tổng Giám đốc

- Giới tính: Nam,
- Sinh ngày: 06/12/1971,
- Quốc tịch: Việt Nam,
- Dân tộc: Kinh,
- CCCD: - Ngày cấp: - Nơi cấp: Công an Hải Phòng,
- Quê quán: Số 186 Phố Tây Trung Hành, phường Đằng Lâm, quận Hải An, thành phố Hải Phòng
- Nơi ở hiện này: Số 186 Phố Tây Trung Hành, phường Đằng Lâm, quận Hải An, thành phố Hải Phòng,
- Trình độ văn hóa: 12/12,
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ tại Công ty: Phó Tổng giám đốc,
- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: TGD Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Dầu khí VTT
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 5/2000 đến 7/2009	Công ty cơ khí đóng tàu Thủy sản Hải Phòng	Nhân viên phòng kế hoạch
Từ 8/2009 đến 8/2012	Công ty CP cơ khí đóng tàu Thủy sản Việt Nam	Phó phòng kế hoạch sản xuất ; Tổ trưởng Tổ Công đoàn Phòng kế hoạch sản xuất; Ủy viên Ban chấp hành Công đoàn Công ty CP cơ khí đóng tàu Thủy sản Việt Nam - khóa V (nhiệm kỳ 2009 - 2011); UV Chi bộ I - Đảng ủy
Từ 8/2012 đến 3/2013	Công ty CP cơ khí đóng tàu Thủy sản Việt Nam	Phó Giám đốc Xí nghiệp – Phụ trách Xí nghiệp KDTH; Ủy viên Ban chấp hành Công đoàn Công ty CP cơ khí đóng tàu Thủy sản Việt Nam - khóa VI (nhiệm kỳ 2012 - 2014)

<p>Từ 3/2013 đến 11/2016</p>	<p>Công ty CP cơ khí đóng tàu Thủy sản Việt Nam</p>	<p>Giám đốc Xí nghiệp kinh doanh tổng hợp; tháng 9/2015 kiêm nhiệm phó phòng KHSX; Chi ủy viên chi bộ văn phòng - Đảng ủy Công ty CP cơ khí đóng tàu Thủy sản Việt Nam (Khóa 11 nhiệm kỳ 2014-2017); tháng 4 năm 2015 Thư ký Hội đồng quản trị Công ty.</p>
<p>Từ 11/2016 đến 11/2017</p>	<p>Công ty CP cơ khí đóng tàu Thủy sản Việt Nam</p>	<p>Phó Phòng Kế hoạch sản xuất; Thư ký Hội đồng Quản trị Công ty; Đảng Ủy viên Đảng bộ Công ty CP Cơ khí đóng tàu Thủy Việt Nam (Khóa XI, nhiệm kỳ 2015-2020); đến tháng 6/2017 Phó Bí thư chi bộ Văn Phòng (Khóa XII, nhiệm kỳ 2017-2020); tháng 8 năm 2017 Chủ tịch Công đoàn Công ty CP Cơ khí đóng tàu Thủy sản Việt Nam (Khóa VII, Nhiệm kỳ 2017-2022)</p>
<p>Từ 11/2017 đến 12/2020</p>	<p>Công ty CP cơ khí đóng tàu Thủy sản Việt Nam</p>	<p>Trưởng Phòng Tổ chức Hành chính; Thư ký Hội đồng Quản trị Công ty; Đảng Ủy viên Đảng bộ Công ty CP Cơ khí đóng tàu Thủy Việt Nam (Khóa XI, nhiệm kỳ 2015-2020); Phó Bí thư chi bộ Văn Phòng (Khóa XII, nhiệm kỳ 2017-2020); Chủ tịch Công đoàn Công ty CP Cơ khí đóng tàu Thủy sản Việt Nam (Khóa VII, Nhiệm kỳ 2017-2022)</p>
<p>Từ 12/2020 đến 14/8/2023</p>	<p>Công ty CP cơ khí đóng tàu Thủy sản Việt Nam</p>	<p>Trưởng Phòng Kinh Doanh Tổng Hợp; Người phụ trách quản trị Công ty kiêm nhiệm Thư ký Công ty; Chi Ủy viên Chi bộ Công ty CP Cơ khí đóng tàu Thủy Việt Nam (Khóa XII, nhiệm kỳ 2020-2025); Chủ tịch Công đoàn Công ty CP Cơ khí đóng tàu</p>

11/PT/AN/2023/16

		Thủy sản Việt Nam (Khóa VII, Nhiệm kỳ 2017-2022); Chủ tịch Công đoàn Công ty CP Cơ khí đóng tàu Thủy sản Việt Nam (Khóa VIII, Nhiệm kỳ 2023-2028)
Từ 14/8/2023 đến nay	Công ty CP cơ khí đóng tàu Thủy sản Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc Công ty; Người phụ trách quản trị Công ty kiêm nhiệm Thư ký Công ty; Chi Ủy viên Chi bộ Công ty CP Cơ khí đóng tàu Thủy Việt Nam (Khóa XII, nhiệm kỳ 2020-2025); Chủ tịch Công đoàn Công ty CP Cơ khí đóng tàu Thủy sản Việt Nam (Khóa VIII, Nhiệm kỳ 2023-2028)

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có,
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có,
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Lương,
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có,
- Số cổ phần nắm giữ: 22.000 CP chiếm tỷ lệ 0,39%/VĐL.

3. Bà Ngô Thị Thu Hà: Kế toán trưởng

- Giới tính: Nữ,
- Sinh ngày: 22/10/1987,
- Quốc tịch: Việt Nam,
- Dân tộc: Kinh,
- CMND: 031521678 - Ngày cấp: 14/9/2004 - Nơi cấp: Công an Hải Phòng,
- Quê quán: Tam Cường, Vĩnh Bảo, Hải Phòng,
- Nơi ở hiện nay: Số 27 ngõ 580 Ngô Gia Tự, Thành Tô, Hải An, Hải Phòng,
- Trình độ văn hóa: 12/12,
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế,
- Chức vụ tại Công ty: Kế toán trưởng,
- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có,
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
7/2009 – 7/2011	Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát	Trợ lý kiểm toán
7/2011 – 7/2013	CN Công ty CP xây lắp Hải Long	Kế toán tổng hợp
7/2013 – 8/2015	Công ty CP Quý Tùng Hương	Kế toán trưởng

8/2015 – 1/2016	Công ty CP Cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Phó phòng kế toán
01/2016 – 6/2016	Công ty CP Cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Trưởng phòng kế toán
6/2016 đến nay	Công ty CP Cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Kế toán trưởng

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có,
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có,
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Lương,
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có,
- Số cổ phần nắm giữ: 0 CP chiếm tỷ lệ 0%/ VDL.

2.2 Những thay đổi trong ban điều hành: Không có

2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên:

Tổng số lao động: 18 người

STT	Loại lao động	Số lượng	Tỷ lệ (%)
	I/ Phân loại theo giới tính		
1	Nam	15	83,3
2	Nữ	3	16,7
	Cộng	18	100
	II/ Phân loại theo trình độ		
1	Số lao động có trình độ trên đại học		
2	Số lao động có trình độ đại học	9	50
3	Số lao động có trình độ cao đẳng	1	5,6
4	Số lao động có trình độ trung cấp	3	16,7
5	Số lao động khác	5	27,7

Chính sách lương: Công ty xây dựng chính sách tiền lương riêng, thực hiện trả lương cho người lao động theo quy chế trả lương của Công ty căn cứ vào mức độ hoàn thành và độ phức tạp của công việc và tiền lương khoán sản phẩm, đảm bảo cho người lao động hưởng đầy đủ các chế độ theo Quy định của nhà nước. Hệ số lương được xác định dựa trên trình độ, cấp bậc và tay nghề của người lao động, đảm bảo phù hợp với năng lực và công việc của từng người, khuyến khích cán bộ công nhân viên của công ty làm việc hăng say, góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chính sách thưởng: Cuối năm và các dịp lễ tết, Công ty đều tiến hành tổng kết đánh giá để thưởng cho những bộ phận, phòng ban, cá nhân có thành tích xuất sắc trong sản xuất.

Bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp các khoản bảo hiểm được công ty trích nộp theo đúng quy định hiện hành.

Chính sách đào tạo: Hàng năm, tùy theo yêu cầu công việc, công ty đều tiến hành cử cán bộ, công nhân viên đi học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ để nâng cao trình độ và tay nghề.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1 Các khoản đầu tư lớn: Không có.

3.2 Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính

4.1 Tình hình tài chính: Đã được nêu tại mục II, khoản 1 trong báo cáo này.

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	30,14	14,26	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	29,94	13,25	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,031	0,048	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,032	0,05	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	8,02	11,74	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,26	0,62	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần)		0,019	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu		0,013	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		0,012	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần		0,02	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

5.1 Cổ phần:

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 5.624.966. Trong đó:

- Số lượng cổ phần được chuyển nhượng tự do: 5.624.966 cổ phần;
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần.

5.2 Cơ cấu cổ đông:

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Giá trị cổ phần	Tỷ lệ
Cổ đông trong nước	182	5.624.966	56.249.660.000	100,00%
+ Tổ chức	02	3.612.841	36.128.410.000	64,23%
+ Cá nhân	180	2.012.125	20.121.250.000	35,77%
Tổng cộng	182	5.624.966	56.249.660.000	100,00%

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5.5 Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

Chính sách liên quan đến môi trường, xã hội:

Bên cạnh việc đóng góp tích cực về mặt kinh tế, tạo ra công ăn việc làm cho người

lao động, Công ty luôn quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường xung quanh Công ty và trong khu vực. Ý thức được vấn đề đó công ty có những biện pháp để bảo vệ môi trường:

- Trang bị các thùng để chứa rác thải công nghiệp sau khi đã phân loại, thu gom chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh.

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Nguồn nguyên liệu đầu vào của Công ty được sử dụng tiết kiệm, hiệu quả; Sử dụng những vật liệu tái chế vừa tiết kiệm, có lợi cho môi trường và xã hội; có lợi cho công ty: giảm giá vốn, hạn chế chi phí xử lý.

6.2. Tiêu thụ năng lượng

Công ty luôn chú trọng đến vấn đề tiết kiệm năng lượng; nâng cao ý thức cán bộ công nhân viên trong việc sử dụng tiết kiệm điện; ưu tiên sử dụng bóng đèn compact tiết kiệm điện

6.3. Tiêu thụ nước:

Về vấn đề xử lý nước thải: Công ty thu gom và xử lý nước thải đúng quy định, đảm bảo không ảnh hưởng môi trường xung quanh

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty tuân thủ và chủ động nắm bắt các quy định của pháp luật về môi trường; phổ biến cán bộ công nhân viên nắm bắt và thực hiện.

6.5 Chính sách liên quan đến người lao động:

Công ty thực hiện chính sách đối với người lao động theo quy định của Luật Lao động, mua bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động. Người lao động của công ty được hưởng đầy đủ các quyền lợi và chế độ được quy định trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, được tham gia hoạt động công đoàn; đoàn thanh niên. Ngoài ra cán bộ công nhân viên trong Công ty còn được đào tạo, tham gia các khóa học tập huấn, trang bị kiến thức và thực hành về phòng chống chữa cháy.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2023, nền kinh tế thế giới tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, toàn diện hơn, gia tăng căng thẳng địa chính trị; xung đột Nga - Ukraine diễn biến phức tạp, giao tranh ở khu vực Trung đông đã tác động tiêu cực tới quá trình phục hồi kinh tế thế giới sau đại dịch COVID-19. Thiên tai, hạn hán, bão lũ, biến đổi khí hậu gây hậu quả nghiêm trọng; nguy cơ về an ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh mạng gia tăng... Lạm phát tuy đã hạ nhiệt nhưng vẫn neo ở mức cao, nhiều nền kinh tế lớn duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt, lãi suất cao; thương mại, tiêu dùng và đầu tư toàn cầu tiếp tục suy giảm; hàng rào bảo hộ, phòng vệ thương mại gia tăng... ảnh hưởng đến hoạt động xuất, nhập khẩu của khu vực và thế giới. Nhiều quốc gia, trong đó có các đối tác thương mại lớn của nước ta tăng trưởng chậm lại, nợ công tăng cao, tiềm ẩn nhiều rủi ro, tổng cầu thế giới suy giảm, tác động trực tiếp tới các quốc gia có độ mở kinh tế lớn, trong đó có Việt Nam.

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2023 và các Nghị quyết của HĐQT Công ty, ngay từ đầu năm 2023 Ban điều hành Công ty đã tập trung chỉ đạo các phòng nghiệp vụ tìm mọi biện pháp khắc phục các mặt còn tồn tại yếu kém, tìm các biện pháp hữu hiệu khắc phục khó khăn, tập trung tìm kiếm khách hàng cho thuê mặt bằng, nhà xưởng... Công ty tiếp tục duy trì các hoạt động SXKD như năm 2022, gồm: sản xuất giấy vàng mã và

dịch vụ cho thuê bến bãi, văn phòng, nhà xưởng và dịch vụ trông coi xe ô tô.

Tuy nhiên, lĩnh vực sản xuất giấy vàng mã xuất khẩu gặp rất nhiều khó khăn bởi cả nguyên nhân khách quan và chủ quan. Các năm gần đây, doanh thu và lợi nhuận tại mảng này không được đảm bảo, luôn luôn trong tình trạng bấp bênh, khó lường và dần biến chuyển theo xu hướng xấu đi do tình hình kinh tế vĩ mô của thế giới khó khăn, hoạt động sản xuất nhà xưởng phụ thuộc rất nhiều từ đối tác/khách hàng xuất khẩu, nhu cầu của thị trường sụt giảm, cùng với chi phí đầu vào tiếp tục tăng cao, không có hiệu quả và tiềm ẩn rất nhiều rủi ro. Bên cạnh đó, trong dài hạn lĩnh vực sản xuất giấy vàng mã tại Công ty khó có những bước đột phá cũng như khó mang lại lợi nhuận lâu dài, vừa gặp khó khăn ở thị trường đầu ra vừa gặp sự cạnh tranh gay gắt từ các đơn vị sản xuất tại địa bàn tỉnh Thanh Hóa, vốn có lợi thế cả về nguồn nguyên liệu và chất lượng, mẫu mã, màu sắc sản phẩm. Đồng thời, việc mở rộng quy mô của ngành nghề này tại Công ty cũng rất hạn chế vì những yếu tố tác động tiêu cực đến môi trường, khiến Công ty đối diện với sự xử phạt của cơ quan có thẩm quyền.

Đỉnh điểm khó khăn, vào ngày 01/5/2023 Công ty đã phải tạm dừng sản xuất, kinh doanh giấy. Vì thế, ngày 12/7/2023, HĐQT Công ty đã thống nhất thông qua việc tạm dừng sản xuất giấy vàng mã xuất khẩu và chỉ đạo Ban điều hành thực hiện phương án giải quyết các chế độ cho người lao động tại xưởng giấy theo đúng quy định; và đã thực hiện việc chi trả chi phí trợ cấp thôi việc cho tất cả người lao động với giá trị là 1,09 tỷ đồng. Bên cạnh đó, trong năm Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi 483,40 triệu đồng theo quy định. Trong năm 2023, các chi phí khác vẫn duy trì ở mức cao, như: chi phí khấu hao nhà xưởng, các chi phí tiền lương, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, tiền thuê đất,... càng khiến tình hình hoạt động của Công ty thêm khó khăn.

Do vậy, hoạt động SXKD của năm 2023 của Công ty đã không hoàn thành các chỉ tiêu do ĐHĐCĐ giao. Cụ thể như sau:

Kết quả hoạt động tài chính năm 2023

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	Thực hiện 2022	% TH 2023/ KH 2023	% TH 2023/ TH 2022
1- Tổng doanh thu	Tỷ đồng	30,00	15,58	37,80	51,9	41,2
<i>1.1 - Sản xuất và gia công giấy VM xuất khẩu</i>	Tỷ đồng	25,00	9,59	31,45	38,3	30,5
<i>1.2 - Dịch vụ cho thuê mặt bằng, bến bãi, cầu cảng, dịch vụ điện nước, trông coi xe ô tô, cho thuê Kiot.....</i>	Tỷ đồng	3,50	5,15	4,54	147,1	113,4
<i>1.3 - Doanh thu hoạt động tài chính</i>	Tỷ đồng	1,50	2,36	1,81	157,3	130,3
2- Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,70	-0,83	0,70		
3- Nộp ngân sách	Tỷ đồng	0,50	1,45	1,17	290	123,9
4- Thu nhập bình quân	Tr.đồng	8,00	8,5	8,50	106,2	100

2. Tình hình tài chính:

2.1 Tình hình tài sản:

Tình hình tài sản trong năm biến động như sau:

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	2023	2022	Chênh lệch
1	Tài sản ngắn hạn	34.447.219.906	34.456.665.374	(9.445.468)
	Tiền và các khoản tương đương tiền	371.052.934	740.879.768	(369.826.834)
	Đầu tư tài chính ngắn hạn	31.000.000.000	28.000.000.000	3.000.000.000
	Các khoản phải thu ngắn hạn	2.844.784.710	3.200.969.001	(356.184.291)
	Hàng tồn kho	219.799.519	2.428.775.679	(2.208.976.160)
	Tài sản ngắn hạn khác	11.582.743	86.040.926	(74.458.183)
2	Tài sản dài hạn	22.010.141.864	23.898.342.739	(1.888.200.875)
	Phải thu dài hạn			
	Tài sản cố định	21.252.710.061	23.036.340.441	(1.783.630.380)
	Tài sản dở dang dài hạn	265.842.539	265.842.539	
	Tài sản dài hạn khác	491.589.264	596.159.759	(104.570.495)
	Tổng tài sản	56.457.361.770	58.355.008.113	(1.897.646.343)

Tổng tài sản giảm so với đầu năm là 1.897.646.343 đồng. Nguyên nhân chính là do Hàng tồn kho giảm 2.208.976.160 đồng do Công ty tạm dừng sản xuất kinh doanh giấy vàng mã, tài sản dài hạn giảm 1.888.000.875 đồng do chi phí khấu hao và phân bổ tài sản phát sinh tăng Bên cạnh đó đầu tư tài chính ngắn hạn tăng so với đầu năm là 3.000.000.000 đồng.

2.2 Tình hình nợ phải trả:

Công ty không có khoản nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Ban Tổng giám đốc Công ty luôn có sự điều chỉnh kịp thời chiến lược kinh doanh và hệ thống giải pháp tương ứng.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Thực hiện mục tiêu duy trì, ổn định SXKD và xác định hoạt động dịch vụ cho thuê mặt bằng, nhà xưởng, kho bãi là mảng chính.
- Nghiên cứu phát triển các loại hình SXKD mới, hợp tác, liên kết với các doanh nghiệp có khả năng tài chính và năng lực sử dụng cơ sở hạ tầng sẵn có để đầu tư phát triển mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn.
- Bảo toàn và phát triển vốn, tạo việc làm, nâng cao đời sống thu nhập cho người lao động, đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

6.1 Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):

Bảo vệ môi trường là tiền đề để doanh nghiệp tồn tại và phát triển. Trong những năm qua, Công ty luôn chú trọng sử dụng nhiều biện pháp nhằm hạn chế ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường. Hàng năm Công ty tiến hành bảo dưỡng, bảo trì trạm biến áp để tránh tổn hao

11/01/2024 10:00 AM

điện, bảo vệ thiết bị máy móc và đảm bảo công tác trong phòng chống cháy nổ.

6.2 Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Công ty luôn chú trọng đến đời sống tinh thần, chăm lo sức khỏe cho người lao động. Công ty cấp tiền bồi dưỡng, hỗ trợ người lao động khi ốm đau, bệnh tật; có chính sách thưởng tết và mua túi quà tết cho người lao động. Khuyến khích cho con em của người lao động bằng cách phát quất cho những em có thành tích học tập tốt, phát quà cho các cháu nhân dịp quốc tế thiếu nhi và tết trung thu.

6.3 Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Công ty luôn có sự chia sẻ khó khăn đối với địa phương trong khu vực: Đóng góp một phần nhỏ vật chất cho địa phương trong khu vực, thực hiện đóng góp quỹ trong công cuộc xây dựng địa phương nói riêng và đất nước nói chung; tham gia đóng góp hỗ trợ đồng bào vùng lũ,...

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

1.1 Về nhân sự:

Trong năm 2023 Đại hội đồng cổ đông bất thường đã bầu bổ sung thành viên HĐQT do trong năm 2023 Ông Đặng Quang Hoàn đã có đơn từ nhiệm thành viên HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm/ tái bổ nhiệm	Ghi chú
1	Ông Lê Vĩnh Hòa	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 15/04/2022	
2	Ông Đặng Quang Hoàn	Thành viên	Miễn nhiệm từ 26/10/2023	
3	Ông Lương Thế Long	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/04/2022	
4	Ông Trần Hữu Hoàng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/10/2023	

1.2 Diễn biến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm:

Sản phẩm Công ty luôn cố gắng duy trì đáp ứng nhu cầu thị trường.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

Ban điều hành thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty, các Quy chế/Quy định nội bộ của Công ty cũng như các Nghị quyết ĐHCĐ, các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT nhằm triển khai các giải pháp cần thiết trong công tác quản trị doanh nghiệp.

Trước tình hình khó khăn của nền kinh tế trong và ngoài nước, HĐQT Công ty đánh giá cao nỗ lực của Ban điều hành trong quá trình thực hiện kế hoạch SXKD, cố gắng tìm giải pháp khắc phục khó khăn và tận dụng mọi cơ hội trong năm tài chính 2023. Trong quá trình điều hành, Ban điều hành đã nỗ lực vì sự phát triển của Công ty, thường xuyên xin ý kiến HĐQT. Các chủ trương, chỉ đạo mà HĐQT đưa ra đã được Ban điều hành triển khai đầy đủ, kịp thời và báo cáo chi tiết kết quả thực hiện với tinh thần trách nhiệm cao và cố gắng hết sức nhằm hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh trong năm 2023. Ban điều

13/11/2023 14:11

hành ghi nhận và triển khai các giải pháp cần thiết trong công tác quản trị doanh nghiệp và nhiệm vụ SXKD của Công ty theo chỉ đạo của HĐQT và các đề xuất của BKS Công ty để kiểm soát tình hình tài chính của Công ty. Tình hình tài chính của Công ty được kiểm soát, sử dụng hợp lý và đảm bảo an toàn vốn, tài sản.

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành Công ty được thực hiện đúng theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành được thực hiện thông qua các hình thức như: tổ chức các cuộc họp do HĐQT chủ trì, tham gia các cuộc họp định kỳ, thông qua các báo cáo của Ban điều hành. Ban điều hành thường xuyên lập báo cáo định kỳ về tình hình hoạt động SXKD, đánh giá việc thực hiện mục tiêu kế hoạch hàng tháng/quý. Ngoài ra, Ban điều hành phối hợp tích cực với công tác kiểm tra giám sát của BKS giúp HĐQT theo dõi và nắm bắt tốt tình hình hoạt động của Công ty để có thể đề ra các Nghị quyết và quyết định kịp thời, đảm bảo duy trì và tăng cường quản trị rủi ro cho các hoạt động SXKD của Công ty.

Trong năm 2023, Ban điều hành Công ty đã phải đối mặt với rất nhiều khó khăn và thử thách. Mặc dù đã rất cố gắng và bằng mọi nỗ lực của Ban điều hành nhưng Công ty vẫn không thể hoàn thành chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận theo kế hoạch đề ra. Trong trường hợp nếu không xảy ra các nguyên nhân khách quan và bất khả kháng đã trình bày tại Mục 1 thì trong năm 2023 Công ty dự kiến sẽ hoàn thành kế hoạch chỉ tiêu về lợi nhuận. Ban điều hành đã có nhiều cố gắng, rất nỗ lực trong công tác quản trị, điều hành, bám sát Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT để hoàn thành nhiệm vụ quản lý, điều hành trong năm 2023. Ban điều hành đã cố gắng thực hiện việc ổn định hoạt động SXKD, tổ chức bộ máy tinh gọn trên tinh thần một người làm nhiều việc, đảm bảo thu nhập bình quân trung bình khá so với khu vực, các chính sách phúc lợi cho người lao động được đảm bảo.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Ngay sau cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2024, HĐQT sẽ tiếp tục nghiên cứu định hướng để phát triển Công ty theo nguyên tắc cẩn trọng, hiệu quả, tập trung vào một số mục tiêu nhiệm vụ chính như sau:

- Duy trì hoạt động kinh doanh đã và đang thực hiện, tập trung nghiên cứu phát triển mở rộng kinh doanh đa dạng đáp ứng nhu cầu thị trường phù hợp với nhu cầu và xu hướng hội nhập; đảm bảo hiệu quả hoạt động tốt nhất, an toàn tài chính cho Công ty và vì quyền lợi của cổ đông.

- Tận dụng mọi cơ hội về mặt bằng, nhà xưởng, kho tàng, bến bãi hiện có trên cả 02 khu đất Hạ Lý và Vật Cách để kinh doanh dịch vụ hoặc cho thuê nhằm tăng doanh thu và lợi nhuận cho Công ty; tích cực tìm kiếm khách hàng để khai thác hiệu quả hơn các mặt bằng của Công ty; bám sát về việc thay đổi quy hoạch, đơn giá cho thuê của các mặt bằng để có giải pháp phù hợp, kịp thời.

- Xây dựng kế hoạch tài chính phù hợp, đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh trong mọi thời điểm; tăng cường công tác quản lý, giám sát thực hành tiết kiệm chi phí quản lý doanh nghiệp; quản lý đôn đốc thu hồi công nợ khó đòi, đảm bảo hoàn thành

các chỉ tiêu theo kế hoạch đặt ra; tích cực đôn đốc, thu hồi công nợ và quản lý chặt chẽ các công nợ, nguồn tiền.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐQT trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các Quy chế/Quy định nội bộ của Công ty, đảm bảo tạo điều kiện tối đa và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý điều hành.

- Chỉ đạo Ban điều hành trong hoạt động kinh doanh, đảm bảo an toàn về mặt tài chính, cân đối tiền vốn cho kinh doanh và đầu tư (nếu có); tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, kiểm soát và giảm thiểu các chi phí để tăng hiệu quả kinh doanh; tiếp tục duy trì bộ máy tổ chức tinh gọn, tiết kiệm chi phí.

- Tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành tập trung vào việc nghiên cứu thị trường để đưa ra phương án đầu tư, mở rộng ngành nghề kinh doanh và dịch vụ có hiệu quả, tìm kiếm khách hàng/đối tác để phối hợp và cung ứng các dịch vụ khai thác tài sản sẵn có hiệu quả hơn.

- Tiếp tục kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban điều hành trong quá trình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và của HĐQT. HĐQT sẽ liên hệ hợp tác tích cực với BKS của Công ty để thực hiện công tác kiểm tra định kỳ và thường xuyên, giám sát chéo lẫn nhau nhằm đảm bảo hiệu quả quản trị Công ty.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị

1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Lê Vĩnh Hòa	Chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
2	Ông Đặng Quang Hoàn	Thành viên HĐQT đến ngày 26/10/2023 - Tổng giám đốc đến ngày 14/8/2023	Thành viên HĐQT điều hành
3	Ông Lương Thế Long	Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc từ ngày 14/8/2023	Thành viên HĐQT điều hành
4	Ông Trần Hữu Hoàng	Thành viên HĐQT từ ngày 26/10/2023	Thành viên HĐQT không điều hành

1.1.1 Ông Lê Vĩnh Hòa - Chủ tịch HĐQT

- Giới tính: Nam,
- Sinh ngày: 12/11/1982,
- Quốc tịch: Việt Nam,
- Dân tộc: Kinh,
- CMND: 201483817 - Ngày cấp: 31/7/2007 - Nơi cấp: Công an TP Đà Nẵng
- Quê quán: Đà Nẵng,
- Nơi ở hiện nay: Căn hộ 7.04, Block B, Chung cư Ehome 5, 167 Trần Trọng Cung, Quận 7, TP Hồ Chí Minh
- Trình độ văn hóa: 12/12,

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ thông tin, Cử nhân Tài chính doanh nghiệp,
- Chức vụ tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị,
- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - + Phó chủ tịch HĐQT CTCP Thủy sản số 4.
 - + Chủ tịch HĐQT CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung.
 - + Thành viên HĐQT CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn.
 - + Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Thủy sản Việt Nam – CTCP.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2007 – Tháng 09/2007	Công ty TNHH Minh Thông	Nhân viên kinh doanh.
Tháng 10/2007 – 02/2012	Công ty CP Chứng khoán Đà Nẵng – CN TP Hồ Chí Minh	Chuyên viên môi giới Trưởng phòng Môi giới Phó giám đốc Chi nhánh
Tháng 11/2012 – Tháng 8/2015	Tổng công ty thủy sản Việt Nam	Chuyên viên Phòng Quản lý vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác
Tháng 8/2015 – Tháng 6/2017	Tổng công ty thủy sản Việt Nam	Phó trưởng Phòng Quản lý vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác
Tháng 6/2017 – Tháng 01/2020	Tổng công ty thủy sản Việt Nam	Phó trưởng Phòng Tài chính Kế toán
Tháng 02/2020 – Tháng 10/2020	Tổng công ty thủy sản Việt Nam	Trưởng Phòng Tài chính Kế toán
Tháng 10/2020 – Nay	Tổng công ty thủy sản Việt Nam	Phó Tổng giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có,
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có,
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao HĐQT,
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có,
- Số cổ phần nắm giữ: 1.539.400 CP chiếm tỷ lệ 27,37%/ VDL,
- + Sở hữu cá nhân: 0 CP chiếm tỷ lệ 0%/ VDL,
- + Đại diện sở hữu: 1.539.400 CP (Đại diện cổ phần của Tổng công ty thủy sản Việt Nam-CTCP) chiếm tỷ lệ 27,37% /VDL.

1.1.2. Ông Lương Thế Long – Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

- Giới tính: Nam,
- Sinh ngày: 22/8/1978,
- Quốc tịch: Việt Nam,
- Dân tộc: Kinh,
- CCCD: 031078016408 - Ngày cấp: 01/03/2022 - Nơi cấp: Cục quản lý hành chính về trật tự xã hội

- Quê quán: Thôn Vân Tra, xã An Đông, huyện An Dương, Hải Phòng,
- Nơi ở hiện nay: Thôn Vân Tra, xã An Đông, huyện An Dương, Hải Phòng,
- Trình độ văn hóa: 12/12,
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư,
- Chức vụ tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc,
- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Giám đốc công ty TNHH Khoáng sản và Thương mại Gia Hưng
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
6/2001 – 12/2001	Nhà máy đóng tàu Sông Cấm	Cán bộ kỹ thuật
01/2002 – 06/2003	Nghỉ ở nhà để liên hệ xin chuyển cơ quan khác	
06/2003 – 10/2004	Công ty vận tải Biển Bắc	Ban đóng mới
10/2004 – 10/2015	Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Cán bộ kỹ thuật
10/2015 – 7/2017	Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Phó trưởng phòng kế hoạch sản xuất
7/2017 – 9/2019	Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Phó trưởng phòng kế hoạch sản xuất Thành viên BKS
09/2019 – 10/12/2020	Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Phó trưởng phòng – Phụ trách phòng kế hoạch vật tư Thành viên BKS
Từ 10/12/2020 đến 14/8/2023	Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Phó tổng giám đốc
Từ 14/8/2023 đến nay	Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Tổng giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có,
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có,
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao HĐQT, Lương.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có,
- Số cổ phần nắm giữ: 880.000 CP chiếm tỷ lệ 15,64% VDL,
- + Sở hữu cá nhân: 36.000 CP chiếm tỷ lệ 0,64%,
- + Đại diện sở hữu: 844.000 CP (Đại diện cổ phần của Tổng công ty thủy sản Việt Nam – CTCP) chiếm tỷ lệ 15% VDL.

1.1.3 Ông Trần Hữu Hoàng – Thành viên HĐQT

- Giới tính: Nam,
- Sinh ngày: 15/06/1979,
- Quốc tịch: Việt Nam,
- Dân tộc: Kinh,

- CCCD: 060079000032 - Ngày cấp: 10/07/2021 - Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội,
- Địa chỉ thường trú: Căn hộ B5.03, Chung cư Thủ Thiêm Lô P, Phường Bình Trưng Đông, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh,
- Nơi ở hiện nay: Căn hộ B5.03, Chung cư Thủ Thiêm Lô P, Phường Bình Trưng Đông, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh,
- Trình độ văn hóa: 12/12,
- Trình độ chuyên môn: Đại học – Cử nhân Tài chính doanh nghiệp; Chứng chỉ kế toán trưởng,
- Chức vụ tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị,
- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
03/2021 – nay	Tổng công ty Thủy sản Việt Nam – CTCP	Trưởng phòng Quản lý Danh mục đầu tư
09/2016 – nay	CTCP Sản xuất Thương mại Dịch vụ Phú Mỹ	Thành viên Hội đồng quản trị
06/2020 – nay	CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung	Thành viên Ban kiểm soát
05/2021 – nay	CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn	Trưởng Ban kiểm soát
06/2021 – nay	CTCP Đồ hộp Hạ Long	Thành viên Hội đồng quản trị
10/2021 – nay	CTCP Vật tư Thủy sản Việt Nam	Thành viên Hội đồng quản trị

- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
07/2003 – 02/2007	Công ty Seaprodex Sài Gòn – XN Kho Vận	Nhân viên, Phó Phòng Kế toán
02/2007 – 10/2008	CTCP Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam – CN TP.HCM	Quyền Kế toán trưởng
11/2008 – 11/2011	Công ty Seaprodex Đà Nẵng – CN TP.HCM	Phó Phòng Kế toán
05/2012 – 10/2016	Tổng công ty Thủy sản Việt Nam	Phó Phòng Tài chính kế toán
04/2013 – 04/2017	CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn	Trưởng Ban kiểm soát
04/2015 – 05/2016	CTCP Đồ Hộp Hạ Long	Thành viên Hội đồng quản trị
09/2016 – nay	CTCP Sản xuất Thương mại Dịch vụ Phú Mỹ	Thành viên Hội đồng quản trị
11/2016 – 09/2018	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khai thác Hải sản Biển Đông	Kế toán trưởng

12/2019 – 02/2021	Tổng công ty Thủy sản Việt Nam – CTCP	Phó Phòng Kế hoạch tổng hợp
04/2020 – 04/2021	Tổng công ty Thủy sản Việt Nam – CTCP	Thành viên Ban kiểm soát
06/2020 – nay	CTCP Cơ khí đóng tàu Thủy sản Việt Nam	Trưởng Ban kiểm soát
06/2020 – nay	CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung	Thành viên Ban kiểm soát
03/2021 – nay	Tổng công ty Thủy sản Việt Nam – CTCP	Trưởng phòng Quản lý Danh mục Đầu tư
05/2021 – nay	CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn	Trưởng Ban kiểm soát
06/2021 – nay	CTCP Đồ hộp Hạ Long	Thành viên Hội đồng quản trị
10/2021 – nay	CTCP Vật tư Thủy sản Việt Nam	Thành viên Hội đồng quản trị

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có,
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có,
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao HĐQT,
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có,
- Số cổ phần nắm giữ: 1.124.800 CP chiếm tỷ lệ 19,99%/ VDL,
- + Sở hữu cá nhân: 0 CP chiếm tỷ lệ 0%/ VDL,
- + Đại diện sở hữu: 1.124.800 CP (Đại diện cổ phần của Tổng công ty thủy sản Việt Nam-CTCP) chiếm tỷ lệ 19,99% /VDL..

1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Thư ký Công ty (kiêm nhiệm) đã thực hiện tốt các công việc giúp Chủ tịch HĐQT lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp HĐQT; tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Dự thảo các Biên bản họp HĐQT, Nghị quyết HĐQT, các văn bản thuộc HĐQT ban hành; Kiểm tra các Trình trình, các dự thảo văn bản của Ban Điều hành trình HĐQT đảm bảo theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức hoạt động Công ty ...

1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Các cuộc họp: Trong năm HĐQT đã tiến hành 08 cuộc họp để quyết định một số vấn đề điều hành hoạt động của Công ty

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1.	Ông Lê Vĩnh Hòa	Chủ tịch HĐQT	8	100%	
2.	Ông Đặng Quang Hoàn	Thành viên đến 26/10/2023	7	100%	
3.	Ông Lương Thế Long	Thành viên	8	100%	
4.	Ông Trần Hữu Hoàng	Thành viên từ 26/10/2023	1	100%	

- Các nghị quyết:

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1.	02/2023/NQ-ĐTTS-HĐQT	05/01/2023	<p>Thông nhất ghi nhận số liệu kết quả hoạt động SXKD năm 2022 của Công ty. Sau khi có kết quả chính thức được kiểm toán, Ban điều hành Công ty căn cứ tình hình thực tế để xây dựng kế hoạch hoạt động SXKD năm 2023 của Công ty trình HĐQT xem xét để chuẩn bị cho ĐHĐCĐ thường niên năm 2023, trong đó xem xét xây dựng chỉ tiêu lợi nhuận có sự tăng trưởng so với mức thực hiện năm 2022.</p>
2.	05/2023/NQ-ĐTTS-HĐQT	24/02/2023	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc chốt danh sách cổ đông Công ty để thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2023. - Giao Tổng giám đốc Công ty chỉ đạo các bộ phận chuyên môn hoàn thiện thủ tục chốt danh sách cổ đông, gửi thông báo tới Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) về việc chốt danh sách cổ đông theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty (dự kiến ngày 24/02/2023) và chuẩn bị các tài liệu để tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của Công ty vào ngày trình HĐQT xem xét phê duyệt.
3.	08/2023/NQ-ĐTTS-HĐQT	28/3/2023	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua thời gian và địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của Công ty. - Thông qua nội dung của Dự thảo Báo cáo hoạt động của HĐQT Công ty năm 2022 tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 để trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023. - Thông qua nội dung của Dự thảo Tờ trình về việc thông qua BCTC năm 2022 đã được kiểm toán để trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023. - Thông qua nội dung của Dự thảo Tờ trình về việc Báo cáo thù lao HĐQT, BKS trong năm 2022 và kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2023 để trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023. - Thông qua nội dung của Dự thảo Tờ trình về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 để trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023. - Thông qua nội dung của Dự thảo Tờ trình về việc thông qua một số chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2023 để trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023. - Giao Tổng giám đốc Công ty chỉ đạo các Phòng Ban nghiệp vụ soạn thảo và gửi tài liệu

ĐỒ HỌC

			<p>hợp tới cổ đông theo thời gian quy định, công bố thông tin và triển khai các công việc cần thiết để chuẩn bị tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường năm 2023 của Công ty theo quy định pháp luật.</p>
4	19/2023/NQ-ĐTTS-HĐQT	12/7/2023	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc tạm dừng sản xuất giấy vàng mã xuất khẩu và phương án giải quyết vấn đề về người lao động tại Xưởng giấy theo như Tờ trình số 94/2023/TTr-ĐTTS ngày 04/7/2023 của Tổng giám đốc Công ty. - Giao Tổng giám đốc Công ty giải quyết chế độ cho người lao động có đơn xin thôi việc theo đúng quy định pháp luật, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người lao động. - Giao Tổng giám đốc Công ty tổ chức thực hiện việc quản lý máy móc thiết bị của xưởng giấy trong thời gian tạm dừng và tích cực tìm kiếm khách hàng để cho thuê nhà xưởng, thiết bị, đảm bảo hiệu quả hoạt động SXKD của Công ty.
5	23/2023/NQ-ĐTTS-HĐQT	28/7/2023	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất thông qua báo cáo tình hình hoạt động SXKD 06 tháng đầu năm 2023 và định hướng thực hiện hoạt động SXKD 06 tháng cuối năm 2023; - Thống nhất thông qua BCTC 06 tháng năm 2023.
6	26/2023/NQ-ĐTTS-HĐQT	14/8/2023	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua đơn từ chức Tổng giám đốc Công ty và chấm dứt Hợp đồng lao động với Ông Đặng Quang Hoàn theo Hợp đồng lao động. - Thông qua việc miễn nhiệm chức danh Tổng giám đốc Công ty đối với Ông Đặng Quang Hoàn theo quy định của Điều lệ Công ty, kể từ ngày 14/8/2023. - Giao Ban điều hành Công ty thực hiện việc bàn giao, giải quyết chế độ lao động đối với Ông Đặng Quang Hoàn theo đúng các quy định pháp luật. - Thông qua việc bổ nhiệm có thời hạn Ông Lương Thế Long – Phó Tổng giám đốc Công ty, giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty kiêm Người đại diện theo pháp luật của Công ty kể từ ngày 14/8/2023 với thời hạn bổ nhiệm theo quy định tại Điều lệ Công ty. - Thông qua việc bổ nhiệm có thời hạn Ông Vũ Hồng Trường – Trưởng phòng Kinh doanh Tổng hợp Công ty giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty, kể từ ngày 14/8/2023 với thời hạn bổ nhiệm theo quy định tại Điều lệ Công ty. - Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT Công ty ký Quyết định miễn nhiệm chức danh Tổng giám

30/07/2023
 VI
 BA

			độc Công ty và chấm dứt Hợp đồng lao động với Ông Đặng Quang Hoàn, các Quyết định bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc Công ty, Phó Tổng giám đốc Công ty đối với Ông Lương Thế Long và Ông Vũ Hồng Trường theo quy định của pháp luật và quy định hiện hành của Công ty.
7	27/2023/QĐ-ĐTTS-HĐQT	14/8/2023	Quyết định về việc miễn nhiệm chức danh Tổng giám đốc và chấm dứt hợp đồng lao động với Ông Đặng Quang Hoàn.
8	28/2023/QĐ-ĐTTS-HĐQT	14/8/2023	Quyết định về việc bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc Công ty.
9	29/2023/QĐ-ĐTTS-HĐQT	14/8/2023	Quyết định về việc bổ nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc Công ty.
10	30/2023/QĐ-ĐTTS-HĐQT	14/8/2023	Quyết định về việc phê duyệt mức trần tiền lương của Người quản lý của Công ty.
11	37/2023/NQ-ĐTTS-HĐQT	08/9/2023	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua thời gian và địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2023 của Công ty. - Thông qua nội dung của Dự thảo Tờ trình về việc thông qua đơn từ nhiệm Thành viên HĐQT Công ty của Ông Đặng Quang Hoàn và bầu bổ sung Thành viên HĐQT (nhiệm kỳ năm 2022 – 2026) thay thế để trình ĐHĐCĐ bất thường năm 2023. - Thông qua nội dung của Dự thảo Tờ trình về việc thông qua đơn từ nhiệm Thành viên Ban kiểm soát Công ty của Ông Trần Hữu Hoàng và bầu bổ sung Thành viên BKS (nhiệm kỳ năm 2022 – 2026) thay thế để trình ĐHĐCĐ bất thường năm 2023 - Giao Tổng giám đốc Công ty chỉ đạo các Phòng Ban nghiệp vụ soạn thảo và gửi tài liệu hợp tới cổ đông theo thời gian quy định, công bố thông tin và triển khai các công việc cần thiết để chuẩn bị tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2023 của Công ty theo quy định pháp luật.
12	46/2023/NQ-ĐTTS-HĐQT	26/10/2023	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất thông qua báo cáo tình hình hoạt động SXKD Quý 3 năm 2023 và dự kiến kế hoạch Quý 4 năm 2023. - Thống nhất thông qua BCTC Quý 3/2023 - Thống nhất thông qua lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam để kiểm toán BCTC

14C
IG
PH
JK
W
TI
NG

			<p>năm 2023 của Công ty theo như đề nghị của Ban kiểm soát tại văn bản số 05/2023/ĐTTS-BKS ngày 10/10/2023</p> <p>- Giao cho Tổng giám đốc CTCP Cơ khí Đóng tàu Thủy sản Việt Nam chỉ đạo các phòng nghiệp vụ triển khai ký kết hợp đồng kiểm toán với Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam để kiểm toán BCTC năm 2023 của Công ty, để đảm bảo thời gian thực hiện kiểm toán theo quy định hiện hành</p>
--	--	--	--

1.4 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập tuy không tham gia điều hành trực tiếp Công ty nhưng vẫn giữ chức năng giám sát các hoạt động của ban điều hành và tình hình của Công ty. Năm 2023, thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã thực hiện việc giám sát đúng và đầy đủ, yêu cầu xem xét báo cáo, đánh giá những vấn đề phát sinh, tham gia các cuộc họp đầy đủ của Hội đồng quản trị; thông qua đó việc giám sát vẫn được thực hiện thường xuyên và khách quan.

1.5 Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Không có

2. Ban Kiểm soát

2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là Thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1.	Ông Lưu Mạnh Cường	Trưởng ban	Bổ nhiệm Trưởng BKS từ ngày 26/10/2023	Thạc sĩ Tài chính doanh nghiệp và Kiểm soát quản trị
2.	Ông Trần Hữu Hoàng	Trưởng ban	Miễn nhiệm Trưởng BKS từ ngày 26/10/2023	Cử nhân
3.	Ông Trần Công Toại	Thành viên	Bổ nhiệm Thành viên BKS từ ngày 15/04/2022	Cử nhân
4.	Bà Lê Cao Thùy Linh	Thành viên	Bổ nhiệm Thành viên BKS từ ngày 26/10/2023	Thạc sĩ Kế toán

2.2 Cuộc họp của BKS Công ty:

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1.	Ông Lưu Mạnh Cường	5/5	100%	100%	
2.	Ông Trần Hữu Hoàng	4/4	100%	100%	
3.	Ông Trần Công Toại	5/5	100%	100%	
4.	Bà Lê Cao Thùy Linh	1/1	100%	100%	

Trong năm 2023, Ban kiểm soát đã tiến hành 05 cuộc họp để thực hiện thông qua: Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình ĐHCĐ thường niên năm 2023; thẩm định

196 / T.Y. ÁT. H. H. Á. T.P.

BCTC năm 2022 đã được kiểm toán; kế hoạch làm việc chung của BKS trong năm 2023; lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán BCTC năm 2023; Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát Công ty trong 06 tháng đầu năm 2023, thẩm định BCTC 06 tháng đầu năm 2023; bầu Trưởng Ban kiểm soát và phân công nhiệm vụ các thành viên Ban kiểm soát Công ty (nhiệm kỳ 2022 – 2026);... và các cuộc họp khác nhằm đảm bảo thường xuyên kiểm tra và giám sát toàn bộ tình hình hoạt động của Công ty.

Ban kiểm soát phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong công tác kiểm tra, giám sát; nhưng vẫn duy trì được sự độc lập của mình trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao.

2.3 Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

2.3.1 Đối với Hội đồng quản trị Công ty

- Số thành viên HĐQT trong năm 2023 hoạt động đầy đủ theo quy định là ba (03) thành viên. Trong năm HĐQT đã tiến hành 08 cuộc họp trực tiếp và xin ý kiến biểu quyết bằng văn bản để quyết định một số vấn đề điều hành hoạt động của Công ty. Các cuộc họp của HĐQT đã thông qua nhiều nội dung quan trọng phục vụ công tác quản trị của Công ty và đã được thể hiện đầy đủ tại Báo cáo của HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.

- Ban kiểm soát đồng ý với Báo cáo hoạt động của HĐQT trong năm 2023, báo cáo đã phản ánh đúng và đầy đủ các hoạt động chính của HĐQT trong năm 2023, HĐQT đã quan tâm và chỉ đạo quyết liệt Ban điều hành trong các công việc quản trị điều hành Công ty. HĐQT Công ty đã thực hiện các chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ của Công ty.

- Ngày 26/10/2023, ĐHĐCĐ bất thường năm 2024 thông qua việc miễn nhiệm vị trí Thành viên HĐQT đối với Ông Đặng Quang Hoàn và bầu bổ sung Thành viên HĐQT thay thế là Ông Trần Hữu Hoàng, theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

- Trong năm 2023, không có kiến nghị hay yêu cầu thực hiện việc kiểm tra nào đối với HĐQT Công ty hay cá nhân các thành viên HĐQT.

2.3.2 Đối với Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

- Ban điều hành Công ty chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện đúng Điều lệ Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT; tiếp thu và triển khai kịp thời các giải pháp cần thiết trong công tác quản trị doanh nghiệp, quản lý điều hành, quản trị tài chính và quản lý lao động; triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD của Công ty tuân thủ theo đúng thẩm quyền được quy định, theo chỉ đạo của HĐQT và các đề xuất của Ban kiểm soát Công ty.

- Trong năm 2023, không có kiến nghị hay yêu cầu thực hiện việc kiểm tra nào đối với Tổng giám đốc hay các cán bộ quản lý khác của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương, thưởng	Thù lao	Lợi ích khác	Tổng thu nhập
Thành viên Hội đồng quản trị						
1.	Ông Lê Vĩnh Hòa	Chủ tịch HĐQT		18		18
2.	Ông Đặng Quang Hoàn	Thành viên HĐQT đến ngày 26/10/2023 - Tổng giám đốc đến ngày 14/8/2023	192,2	15		207,2
3.	Ông Lương Thế Long	Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc từ ngày 14/8/2023	190,5	18		208,5
4.	Ông Trần Hữu Hoàng	Thành viên HĐQT từ 26/10/2023		3		3
Thành viên Ban kiểm soát						
5.	Ông Trần Hữu Hoàng	Trưởng Ban kiểm soát đến ngày 26/10/2023		10		10
6.	Ông Lưu Mạnh Cường	Thành viên Ban kiểm soát đến 26/10/2023. Trưởng Ban kiểm soát từ 26/10/2023		12		12
7.	Ông Trần Công Toại	Thành viên Ban kiểm soát		12		
8.	Bà Lê Cao Thùy Linh	Thành viên Ban kiểm soát từ 26/10/2023		2		

3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.

3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

3.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty.

VI. Báo cáo tài chính:

BCTC năm 2023 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh



ECOVIS[®]
AFA VIETNAM

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN – THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
ECOVIS AFA VIETNAM AUDITING – APPRAISAL AND CONSULTING CO., LTD

142 Xo Viet Nghe Tinh St., Hoa Cuong Nam Ward, Hai Chau Dist., Danang City, Vietnam
Tel: +84 236 363 3333 | Fax: +84 236 363 3338 | Email: info@ecovis.com.vn

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU -
THỦY SẢN VIỆT NAM**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU -
THỦY SẢN VIỆT NAM**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - THỦY SẢN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 32

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - THỦY SẢN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Đóng tàu – Thủy sản Việt Nam (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm và tại ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Lê Vĩnh Hòa	Chủ tịch	
Ông Đặng Quang Hoàn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/10/2023
Ông Lương Thế Long	Thành viên	
Ông Trần Hữu Hoàng	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 26/10/2023

Ban kiểm soát

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Lưu Mạnh Cường	Trưởng ban	Bỏ nhiệm ngày 26/10/2023
Ông Trần Hữu Hoàng	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 26/10/2023
Ông Trần Công Toại	Thành viên	
Bà Lê Cao Thủy Linh	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 26/10/2023

Ban Tổng Giám đốc

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Lương Thế Long	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 14/08/2023
Ông Đặng Quang Hoàn	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 14/08/2023
Ông Vũ Hồng Trường	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 14/08/2023

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật tại ngày lập báo cáo này của Công ty là ông Lương Thế Long, Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐỒNG TÀU - THỦY SẢN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: www.ecovis.com/vietnam/audit).

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Lương Thế Long
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 03 tháng 03 năm 2024

Số: 22/2024/BCKT-E.AFA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU – THỦY SẢN VIỆT NAM

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí Đóng tàu – Thủy sản Việt Nam (dưới đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 03 tháng 03 năm 2024 từ trang 5 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh Báo cáo tài chính số 1.5: Đến thời điểm 31/12/2023, Công ty đã tạm dừng hai hoạt động kinh doanh chính là hoạt động đóng tàu và sản xuất giấy vàng mã xuất khẩu, chỉ còn lại hoạt động kinh doanh cho thuê. Công ty cũng đã giải quyết chế độ cho các nhân viên nghỉ việc tại Xưởng Giấy và tái cơ cấu hoạt động trên cơ sở tinh gọn bộ máy.

Những điều kiện này cùng với những vấn đề được nêu trong Thuyết minh số 1.5 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc Công ty liên quan đến vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 1.5 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề nhấn mạnh này.



Trần Thị Như Phương
Giám đốc kiểm toán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2293-2023-240-1

Người được ủy quyền

Kim Văn Việt
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1486-2023-240-1

Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM

Đà Nẵng, ngày 03 tháng 03 năm 2024

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		34.447.219.906	34.456.665.374
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	371.052.934	740.879.768
1. Tiền	111		371.052.934	740.879.768
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		31.000.000.000	28.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	31.000.000.000	28.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.844.784.710	3.200.969.001
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	2.609.705.845	2.849.447.283
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	1.558.717.414	1.191.758.764
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(1.323.638.549)	(840.237.046)
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	219.799.519	2.428.775.679
1. Hàng tồn kho	141		219.799.519	2.428.775.679
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.582.743	86.040.926
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	-	23.990.183
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.11	11.582.743	62.050.743
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		22.010.141.864	23.898.342.739
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		21.252.710.061	23.036.340.441
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	21.252.710.061	23.036.340.441
Nguyên giá	222		55.068.413.393	55.068.413.393
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33.815.703.332)	(32.032.072.952)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		265.842.539	265.842.539
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.9	265.842.539	265.842.539
VI. Tài sản dài hạn khác	260		491.589.264	596.159.759
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	491.589.264	596.159.759
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		56.457.361.770	58.355.008.113

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - THUYỀN SÀN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Mẫu số B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.729.016.861	2.795.952.959
I. Nợ ngắn hạn	310		1.143.016.861	2.416.452.959
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.10	119.130.725	882.567.271
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.919.895	5.519.895
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.11	195.607.668	303.928.478
4. Phải trả người lao động	314		379.289.385	691.340.923
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.12	24.988.420	36.640.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	336.295.708	385.296.328
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		84.785.060	111.160.064
II. Nợ dài hạn	330		586.000.000	379.500.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.13	586.000.000	379.500.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		54.728.344.909	55.559.055.154
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.14	54.728.344.909	55.559.055.154
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		56.249.660.000	56.249.660.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		56.249.660.000	56.249.660.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(83.050.000)	(83.050.000)
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		36.090.727	36.090.727
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.194.299.043	3.194.299.043
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(4.668.654.861)	(3.837.944.616)
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		(3.837.944.616)	(4.544.356.553)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(830.710.245)	706.411.937
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		56.457.361.770	58.355.008.113



Lương Thế Long
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 03 tháng 03 năm 2024

Ngô Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Minh Diệp
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐỒNG TÀU - THỦY SẢN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Mẫu số B 02 – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	14.738.995.129	35.997.843.359
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		14.738.995.129	35.997.843.359
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	10.620.004.785	31.586.235.890
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.118.990.344	4.411.607.469
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	2.355.670.417	1.812.976.699
7. Chi phí tài chính	22	5.4	17.429.723	55.474.221
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	133.302.018	287.913.764
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	7.139.210.548	5.174.779.396
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(815.281.528)	706.416.787
11. Thu nhập khác	31	5.7	33.751.253	2.960
12. Chi phí khác	32	5.8	49.179.970	7.810
13. Lợi nhuận khác	40		(15.428.717)	(4.850)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(830.710.245)	706.411.937
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.10	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(830.710.245)	706.411.937
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.14.5	(148)	126
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.14.6	(148)	126



Lương Thế Long
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 03 tháng 03 năm 2024

Ngô Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Minh Diệp
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - THỦY SẢN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Mẫu số B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(830.710.245)	706.411.937
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.757.255.376	1.829.706.400
Các khoản dự phòng	03		483.401.503	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.323.801.532)	(1.671.062.463)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(913.854.898)	865.055.874
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		312.520.926	(183.077.724)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.208.976.160	525.686.070
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1.040.561.094)	333.970.027
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		128.560.678	106.624.853
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		695.641.772	1.648.259.100
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(30.200.000.000)	(29.000.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		27.200.000.000	25.500.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.934.531.394	1.518.758.626
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.065.468.606)	(1.981.241.374)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		(369.826.834)	(332.982.274)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		740.879.768	1.073.862.042
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70		371.052.934	740.879.768



Lương Thế Long
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 03 tháng 03 năm 2024

Ngô Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Minh Diệp
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ khí Đóng tàu – Thủy sản Việt Nam (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước: Công ty Cơ khí Đóng tàu Thủy sản Hải Phòng theo Quyết định số 613/QĐ-BTS ngày 11 tháng 06 năm 2006 của Bộ Thủy sản. Ngày 11 tháng 12 năm 2006, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Cơ khí Đóng tàu – Thủy sản Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200140967 ngày 11 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 19 tháng 08 năm 2023.

Ngày 06 tháng 02 năm 2017, Công ty chính thức được giao dịch chứng khoán tại thị trường UPCOM theo Thông báo của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, mã chứng khoán là FSO.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 56.249.660.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 18 (31/12/2022: 67).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Đóng tàu và cấu kiện nổi;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác). Chi tiết: Sửa chữa các loại phương tiện;
- Sản xuất bột giấy, giấy và bìa. Chi tiết: Sản xuất, gia công giấy vàng mã xuất khẩu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Trông giữ ô tô.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Trong năm 2022 và năm 2023, hoạt động đóng tàu của Công ty không tìm kiếm được khách hàng nên vẫn tiếp tục tạm ngưng hoạt động. Công ty đã điều chuyển nhân viên làm việc tại bộ phận đóng tàu sang các bộ phận khác của Công ty và sẽ tái cơ cấu lại bộ phận này sau khi tìm kiếm được khách hàng đóng tàu.

Ngày 12/07/2023, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua việc tạm dừng sản xuất giấy vàng mã xuất khẩu và phương án giải quyết về người lao động tại Xưởng Giấy. Công ty đã giải quyết chế độ cho nhân viên có đơn xin thôi việc theo đúng quy định pháp luật và tích cực tìm kiếm khách hàng để cho thuê nhà xưởng, máy móc thiết bị của Xưởng Giấy trong thời gian tạm dừng. Theo đó, khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào kế hoạch tái cơ cấu hoạt động và mở rộng hoạt động kinh doanh của Công ty trong tương lai.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn sẽ hoạt động tốt trong năm tiếp theo khi Công ty mở rộng hoạt động cho thuê mặt bằng. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

1.6. Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2023 gồm:

Tên	Địa chỉ
Xí nghiệp Cơ khí đóng tàu Vật Cách	Thôn Song Mai, Xã An Hồng, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng.
Xưởng Giấy	Thôn Song Mai, Xã An Hồng, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng.

1.7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3.4. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh và chi phí lắp đặt, chạy thử trừ đi giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

Năm 2023

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 40 năm |
| ▪ Máy móc, thiết bị | 05 - 12 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 07 - 10 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 08 năm |

3.8. Thuê tài sản

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.9. Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

3.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ; chi phí sửa chữa, bảo dưỡng... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 1 đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.12. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.13. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.14. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.15. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.16. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thu nhập khác

Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

3.17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.19. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Tàu sông: 10%. Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% kể từ ngày 01/07/2023 đến ngày 31/12/2023 theo quy định tại Nghị định 44/2023/NĐ-CP ngày 30/06/2023 của Chính phủ.
- Vàng mã xuất khẩu: 0%;
- Cho thuê địa điểm: 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ khen thưởng Ban điều hành và thù lao Hội đồng quản trị cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ khen thưởng Ban điều hành và thù lao Hội đồng quản trị cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.22. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Xem thêm mục 6.

3.23. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	Ngoại tệ	VND	Ngoại tệ	VND
Tiền mặt tại quỹ (VND)		98.291.808		495.331.352
Tiền gửi ngân hàng		272.761.126		245.548.416
+ VND		265.075.219		220.527.593
+ USD	332,33 #	7.685.907	1.067,77 #	25.020.823
Cộng		371.052.934		740.879.768

4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	31.000.000.000	31.000.000.000	28.000.000.000	28.000.000.000
Cộng	31.000.000.000	31.000.000.000	28.000.000.000	28.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - THỦY SẢN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Cơ khí Thăng Lợi	653.407.818	640.299.714
Công ty TNHH Một thành viên Đóng tàu Bạch Đằng	521.730.857	521.730.857
Công ty TNHH Vạn Lợi	254.136.972	254.136.972
Các khách hàng khác	1.180.430.198	1.433.279.740
Cộng	2.609.705.845	2.849.447.283

4.4. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Lãi dự thu	1.538.963.014	-	1.149.692.876	-
Phải thu khác	19.754.400	-	42.065.888	-
Cộng	1.558.717.414	-	1.191.758.764	-

4.5. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	1.323.638.549	-	840.237.046	-
Cộng	1.323.638.549	-	840.237.046	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - THỦY SẢN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2023			Tại ngày 01/01/2023		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng	521.730.857	-	Trên 3 năm	521.730.857	-	Trên 3 năm
Xí nghiệp Tàu hút sông 2 - Công ty Nạo vét và Xây dựng đường thủy 1	184.354.285	-	Trên 3 năm	184.354.285	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Dịch vụ Xuất nhập khẩu Lực Hành	162.220.003	-	Trên 3 năm			
Ông Trần Việt Hùng	248.689.500	-	Trên 3 năm			
Các đối tượng khác	206.643.904	-	Trên 3 năm	134.151.904	-	Trên 3 năm
Cộng	1.323.638.549	-		840.237.046	-	

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	141.755.623	-	846.629.901	-
Công cụ, dụng cụ	12.030.538	-	103.861.524	-
Thành phẩm	-	-	1.412.270.896	-
Hàng hóa	66.013.358	-	66.013.358	-
Cộng	219.799.519	-	2.428.775.679	-

Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất, không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm.

Không có giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.7. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	23.990.183
Cộng	-	23.990.183
Dài hạn		
Chi phí san lấp mặt bằng (*)	399.529.992	423.518.244
Chi phí sửa chữa	92.059.272	140.090.196
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	32.551.319
Cộng	491.589.264	596.159.759

(*) Chi phí san lấp mặt bằng để sử dụng thửa đất thuê tại Xã An Hồng, Huyện An Dương (thuê đất trả tiền hàng năm, thời hạn thuê đến 28/8/2040).

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - THỦY SẢN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.8. Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	P/tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2023	47.291.128.837	4.335.009.824	3.092.896.797	349.377.935	55.068.413.393
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2023	47.291.128.837	4.335.009.824	3.092.896.797	349.377.935	55.068.413.393
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2023	25.603.389.254	3.299.207.204	2.780.098.559	349.377.935	32.032.072.952
Khấu hao trong năm	1.125.574.950	368.045.114	290.010.316	-	1.783.630.380
Tại ngày 31/12/2023	26.728.964.204	3.667.252.318	3.070.108.875	349.377.935	33.815.703.332
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2023	21.687.739.583	1.035.802.620	312.798.238	-	23.036.340.441
Tại ngày 31/12/2023	20.562.164.633	667.757.506	22.787.922	-	21.252.710.061

Không có TSCĐ hữu hình đã được dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay tại thời điểm cuối năm.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 14.348.720.345 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Hệ xe triển 6.500 tấn Vật Cách	265.842.539	265.842.539
Cộng	265.842.539	265.842.539

4.10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thuận Phát	-	-	513.300.000	513.300.000
Công ty TNHH Thương mại Bao bì Tuấn Thịnh	-	-	119.394.000	119.394.000
Công ty CP Tư vấn Thiết kế - Xây dựng Đại học Dân lập Hải Phòng	69.090.909	69.090.909	69.090.909	69.090.909
Công ty TNHH Total Lubricant Việt Nam	41.299.097	41.299.097	41.299.097	41.299.097
Các nhà cung cấp khác	8.740.719	8.740.719	139.483.265	139.483.265
Cộng	119.130.725	119.130.725	882.567.271	882.567.271

4.11. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/ Khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	-	132.957.668	1.015.270.204	1.184.943.051	-	302.630.515
Thuế TNDN	11.452.550	-	-	-	11.452.550	-
Thuế TNCN	-	1.050.000	9.217.452	9.465.415	-	1.297.963
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	61.600.000	687.338.600	575.270.600	50.468.000	-
Các loại thuế khác	130.193	-	4.000.000	4.000.000	130.193	-
Cộng	11.582.743	195.607.668	1.715.826.256	1.773.679.066	62.050.743	303.928.478

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.12. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Chi phí ăn ca	15.690.000	36.640.000
Khoản trích trước khác	9.298.420	-
Cộng	24.988.420	36.640.000

4.13. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Ngắn hạn:		
Kinh phí công đoàn	11.648.372	60.648.992
Công ty TNHH Vạn Lợi (tiền nước phải trả)	289.021.634	289.021.634
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	6.314.030	6.314.030
Các khoản phải trả khác	29.311.672	29.311.672
Cộng	336.295.708	385.296.328
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược	586.000.000	379.500.000
Cộng	586.000.000	379.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐỒNG TÀU - THỦY SẢN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.14. Vốn chủ sở hữu

4.14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc Vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2022	56.249.660.000	(83.050.000)	36.090.727	3.194.299.043	(4.544.356.553)	54.852.643.217
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	706.411.937	706.411.937
Tại ngày 01/01/2023	56.249.660.000	(83.050.000)	36.090.727	3.194.299.043	(3.837.944.616)	55.559.055.154
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	(830.710.245)	(830.710.245)
Tại ngày 31/12/2023	56.249.660.000	(83.050.000)	36.090.727	3.194.299.043	(4.668.654.861)	54.728.344.909

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - THỦY SẢN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.14.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - CTCP	35.082.000.000	35.082.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	21.167.660.000	21.167.660.000
Cộng	56.249.660.000	56.249.660.000

4.14.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn góp đầu năm	56.249.660.000	56.249.660.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	56.249.660.000	56.249.660.000

4.14.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.624.966	5.624.966
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.624.966	5.624.966
- Cổ phiếu phổ thông	5.624.966	5.624.966
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.624.966	5.624.966
- Cổ phiếu phổ thông	5.624.966	5.624.966
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND/cổ phần

4.14.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi/Lỗ sau thuế của cổ đông Công ty	(830.710.245)	706.411.937
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lãi/Lỗ sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(830.710.245)	706.411.937
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	5.624.966	5.624.966
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(148)	126

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.14.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi/Lỗ sau thuế của cổ đông Công ty	(830.710.245)	706.411.937
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lãi/Lỗ sau thuế để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	(830.710.245)	706.411.937
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	5.624.966	5.624.966
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.624.966	5.624.966
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(148)	126

4.14.7. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2023	3.194.299.043
Trích trong năm	-
Chi trong năm	-
Tại ngày 31/12/2023	3.194.299.043

4.15. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Ngoại tệ các loại:		
+ USD	332,33	1.067,77

	Đơn vị tính	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, gia công, nhận ủy thác:			
+ Nhũ	Kg	-	992,62
+ E.A.C	Kg	-	2.264,88
+ Methanol	Kg	-	3.451,29
+ Phẩm màu	Kg	-	1.506,26
+ Keo	Kg	-	3.035,26
+ Dây buộc kiện	Kg	-	3.464,57
+ Giấy mác	Kg	-	1,52

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu sản xuất vàng mã	9.586.360.192	31.457.991.100
Doanh thu khác	5.152.634.937	4.539.852.259
Cộng	14.738.995.129	35.997.843.359

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn sản xuất vàng mã	9.219.906.228	30.272.646.222
Giá vốn hoạt động khác	1.400.098.557	1.313.589.668
Cộng	10.620.004.785	31.586.235.890

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi	2.323.801.532	1.671.062.463
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	31.868.885	141.914.236
Cộng	2.355.670.417	1.812.976.699

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	17.429.723	55.474.221
Cộng	17.429.723	55.474.221

5.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	133.302.018	287.913.764
Cộng	133.302.018	287.913.764

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.308.941.571	3.132.418.017
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	154.702.782	169.647.359
Chi phí khấu hao tài sản cố định	170.736.576	170.736.576
Thuế, phí và lệ phí	685.192.800	466.202.900
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.201.786.841	1.028.879.983
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	483.401.503	112.068.000
Chi phí khác bằng tiền (*)	1.134.448.475	94.826.561
Cộng	7.139.210.548	5.174.779.396

(*) Trong đó, chi phí trợ cấp thôi việc cho người lao động trong năm 2023 là 1.095.670.000 VND.

5.7. Thu nhập khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ	33.750.000	-
Thu nhập khác	1.253	2.960
Cộng	33.751.253	2.960

5.8. Chi phí khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Các khoản bị phạt	49.178.696	-
Các khoản khác	1.274	7.810
Cộng	49.179.970	7.810

5.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.812.106.720	21.615.371.749
Chi phí nhân công	5.345.141.831	9.596.932.209
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.757.255.376	1.829.706.400
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.002.143.227	3.682.000.507
Chi phí khác bằng tiền	1.851.891.944	872.654.294
Cộng	15.768.539.098	37.596.665.159

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	(830.710.245)	706.411.937
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	76.579.970	33.750.000
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	55.579.970	-
- Thù lao HĐQT không chuyên trách	21.000.000	33.750.000
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Trừ: Lỗ năm trước chuyển sang	-	(740.161.937)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	(754.130.275)	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Lĩnh vực đóng tàu;
- Lĩnh vực sản xuất vàng mã;
- Lĩnh vực khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - THỦY SẢN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Lĩnh vực đóng tàu		Lĩnh vực sản xuất vàng mã		Lĩnh vực khác		Tổng cộng	
	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu								
+ Từ khách hàng bên ngoài	-	-	9.586.360.192	31.457.991.100	5.152.634.937	4.539.852.259	14.738.995.129	35.997.843.359
+ Giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	-
Cộng	-	-	9.586.360.192	31.457.991.100	5.152.634.937	4.539.852.259	14.738.995.129	35.997.843.359
Chi phí kinh doanh								
Giá vốn hàng bán	-	-	9.219.906.228	30.272.646.222	1.400.098.557	1.313.589.668	10.620.004.785	31.586.235.890
Chi phí bán hàng	-	-	133.302.018	287.913.764	-	-	133.302.018	287.913.764
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-	496.144.903	101.231.061	6.643.065.645	5.073.548.335	7.139.210.548	5.174.779.396
Cộng	-	-	9.849.353.149	30.661.791.047	8.043.164.202	6.387.138.003	17.892.517.351	37.048.929.050
Kết quả HĐKD	-	-	(262.992.957)	796.200.053	(2.890.529.265)	(1.847.285.744)	(3.153.522.222)	(1.051.085.691)
Doanh thu HĐTC							2.355.670.417	1.812.976.699
Chi phí tài chính							17.429.723	55.474.221
Thu nhập thuần khác							(15.428.717)	(4.850)
Lợi nhuận trước thuế TNDN							(830.710.245)	706.411.937
Chi phí thuế TNDN hiện hành							-	-
Lợi nhuận sau thuế							(830.710.245)	706.411.937

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - THỦY SẢN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thông tin khác

	Lĩnh vực đóng tàu		Lĩnh vực sản xuất vàng mã		Lĩnh vực khác		Tổng cộng	
	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tài sản của bộ phận	22.128.635.737	23.455.708.878	1.029.306.991	3.190.463.575	1.036.329.075	983.742.064	24.194.271.803	27.629.914.517
Tài sản không phân bổ							32.263.089.967	30.725.093.596
Tổng tài sản							56.457.361.770	58.355.008.113

	Lĩnh vực đóng tàu		Lĩnh vực sản xuất vàng mã		Lĩnh vực khác		Tổng cộng	
	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Nợ phải trả của bộ phận	77.831.628	101.255.028	1.919.895	721.933.040	42.299.097	64.899.098	122.050.620	888.087.166
Nợ phải trả không phân bổ							1.606.966.241	1.907.865.793
Tổng nợ phải trả							1.729.016.861	2.795.952.959

Chi phí mua sắm tài sản
Chi phí khấu hao

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND	Tổng cộng Năm 2023 VND	Tổng cộng Năm 2022 VND
	1.230.652.433	1.287.511.496	526.602.943	542.194.904	1.757.255.376	1.829.706.400

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**7. THÔNG TIN VỀ BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

- | | |
|---|--------------------------|
| 1. Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - CTCP | Công ty mẹ |
| 2. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức danh		Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Lê Vĩnh Hòa	Chủ tịch HĐQT		18.000.000	18.000.000
Ông Lương Thế Long	Thành viên HĐQT		18.000.000	12.750.000
Ông Trần Hữu Hoàng	Thành viên HĐQT	(Bổ nhiệm ngày 26/10/2023)	3.000.000	-
Ông Đặng Quang Hoàn	Thành viên HĐQT	(Miễn nhiệm ngày 26/10/2023)	15.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Đức Lâm	Thành viên HĐQT	(Đã miễn nhiệm)	-	5.250.000
Ông Phạm Quốc Anh	Thành viên HĐQT	(Đã miễn nhiệm)	-	5.250.000
Ông Trần Công Toại	Thành viên HĐQT	(Đã miễn nhiệm)	-	5.250.000
Ông Lưu Mạnh Cường	Trưởng BKS	(Bổ nhiệm ngày 26/10/2023)	12.000.000	12.000.000
	Thành viên BKS	(Miễn nhiệm ngày 26/10/2023)		
Ông Trần Hữu Hoàng	Trưởng BKS	(Miễn nhiệm ngày 26/10/2023)	10.000.000	12.000.000
Ông Trần Công Toại	Thành viên BKS		12.000.000	8.500.000
Bà Lê Cao Thùy Linh	Thành viên BKS	(Bổ nhiệm ngày 26/10/2023)	2.000.000	-
Bà Phạm Thanh Yến	Thành viên BKS	(Đã miễn nhiệm)	-	3.500.000

Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của các thành viên Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức danh		Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Lương Thế Long	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 14/08/2023)	190.484.769	162.126.153
	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 14/08/2023)		
Ông Đặng Quang Hoàn	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 14/08/2023)	192.206.846	246.572.000
Ông Vũ Hồng Trường	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 14/08/2023)	53.644.559	-

8. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG***Công ty là bên cho thuê***

Công ty cho thuê mặt bằng, kho bãi, ki ốt (bao gồm cả dịch vụ điện, nước, gửi xe) theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng cho thuê có kỳ hạn trung bình từ 1 năm đến 3 năm, với số tiền cho mỗi kỳ:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu cho thuê hoạt động ghi nhận trong năm	5.152.634.937	4.539.852.259
Cộng	5.152.634.937	4.539.852.259

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Công ty là bên đi thuê

Công ty thuê đất phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo các Hợp đồng thuê đất số 29/HĐ-TĐ ngày 25/04/2012 (Diện tích: 354,7 m²; địa chỉ tại số 2 phố Phan Đình Phùng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng; thời hạn thuê: từ ngày 18/10/1996 đến hết ngày 18/10/2026); Hợp đồng thuê đất số 106/HĐ-TĐ ngày 30/07/2013 (Diện tích: 2.594 m²; địa chỉ tại số 2 phố Phan Đình Phùng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng; thời hạn thuê: từ ngày 18/10/1996 đến hết ngày 18/10/2026); Hợp đồng thuê đất số 72/HĐ-TĐ ngày 07/07/2015 (Diện tích: 1.906,7 m²; địa chỉ tại Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng; thời hạn thuê: từ ngày 5/10/1993 đến ngày 15/10/2043) và Hợp đồng thuê đất số 113/HĐTĐ ngày 30/11/2009 (Diện tích: 78.428 m²; địa chỉ tại Xã An Hồng, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng; thời hạn thuê: từ ngày 28/08/2000 đến 28/08/2040), với số tiền thuê mỗi kỳ:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm	661.580.000	436.443.900
Cộng	661.580.000	436.443.900

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Lương Thế Long
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 03 tháng 03 năm 2024

Ngô Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Minh Diệp
Người lập